**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THÀNH PHỐ PHAN THIẾT**
**TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/11/2019
(*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*)

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT**
**TỈNH BÌNH THUẬN**

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
*Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Bà Phạm Phong Lan
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Bà Lê Thị Kiều Thu
2. Bà Lưu Thị Thôi

**- Thư ký phiên toà**: Bà Ngô Thái Hà –Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa**: Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Vào lúc 07 giờ 30 phút, ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 582/2019/TLST-HNGĐ ngày 18/9/2019 về việc*"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 364/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/10/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 388/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/11/2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Hồng A – sinh năm 1996
Trú tại: khu phố B, thị trấn C, huyện D, tỉnh Bình Thuận.
*** Bị đơn:** Ông Bùi Minh E – sinh năm 1995
Trú tại: khu phố F, phường G, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.
Tại phiên tòa có mặt bà A, vắng mặt ông E.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bà Trần Thị Hông A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông E tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau vào năm 2015. Có đăng ký kết hôn tại UBND phường G, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận vào ngày 01/10/2015.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu sống hạnh phúc. Sau đó xảy ra mâu thuẫn do ông E không có trách nhiệm với gia đình nên hai người thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau nên bà đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 7 năm 2018 cho đến nay,

mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau. Nay bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể kéo dài cuộc sống chung nên yêu cầu được ly hôn với ông E.

Về con chung: Bà và ông E có 01 con Bùi Khánh H, sinh ngày 02/11/2015. Hiện nay bà đang nuôi con nên yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông E cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn ông Bùi Minh E đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng nhưng ông không làm bản tự khai, không tham gia phiên họp và hòa giải, không tham gia phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự (nguyên đơn) đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Bùi Minh E cư trú tại khu phố F, phường G, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố PT.

Ông E không tham gia phiên tòa. Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông E.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà A Hội đồng xét xử nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông E là hợp pháp, ông bà đã được Uỷ ban nhân dân phường G, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 102/2015, quyển số 01/2014 ngày 01/10/2015.

Bà A cho rằng, trong quá trình chung sống bà và ông E thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên hai người không còn sống chung từ tháng 7 năm 2018 đến nay, mạnh ai nấy sống. Tòa án có xác minh tại chính quyền địa phương nơi bà A và ông E cư trú cho thấy, bà A và ông E không còn chung sống với nhau được hơn 01 năm. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông E đến Tòa hòa giải nhưng ông E không đến, chứng tỏ ông E bỏ mặc, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà A, không còn thiết tha xây dựng, vun vén hạnh phúc gia đình. Như vậy, đủ cơ sở khẳng định quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông E đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A.

Về con chung: Bà A và ông E có 01 con Bùi Khánh H, sinh ngày 02/11/2015. Từ trước đến nay bà A là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, nên để đảm bảo cuộc sống của cháu được ổn định cần phải giao cho bà A được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*". Nhưng bà A không yêu cầu ông E cấp dưỡng tiền nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Bà A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì những lẽ trên*.

## QUYẾT ĐỊNH:

1/**Áp dụng**: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 262 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

2/ **Tuyên xử**:

***Về quan hệ hôn nhân***: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Hồng A, bà A được ly hôn ông Bùi Minh E.

***Về con chung***: Giao cho bà Trần Thị Hồng A được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Khánh H (giới tính nữ), sinh ngày 02/11/2015. Bà A không yêu cầu ông E cấp dưỡng tiền cho con.

Sau khi ly hôn, bà A và ông E vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Ông E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con.

***Về án phí***: Bà Trần Thị Hồng A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0028061 ngày 18/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố PT. Bà A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bà A có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/11/2019). Ông E vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Kiều Thu** **Lưu Thị Thôi** **Phạm Phong Lan**